TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 385/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 14 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1306/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1987;
Hộ khẩu thường trú:600/5B, Tổ 31, Khu phố 2, phường Đ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N, sinh năm 1983;
Hộ khẩu thường trú: 600/5B, Tổ 31, Khu phố 2, phường Đ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
Tạm trú: 1409/1C, đường Đ 09, Tổ 8, Khu phố 1, phường Đ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: "V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số 01/2008 do UBND phường Đ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh). Nay ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Mỹ Diệu, sinh ngày 09/11/2009. Giao con chung tên Mỹ Diệu cho bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu ông Nguyễn Minh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí bà N nộp. Ông H – bà N thỏa thuận: Nguyễn Thị Kim Mỹ N tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số 01/2008 do UBND phường Đ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Mỹ Diệu, sinh ngày 09/11/2009. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Mỹ Diệu cho bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N không yêu cầu ông Nguyễn Minh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Minh H cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0105784 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim Mỹ N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dânsự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 12, TPHCM;
- Chi Cục THADS Quận 12, TPHCM;
- UBND Phường Đ, Quận Y, TPHCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Sang